

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO TÓM TẮT

Nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế số Việt Nam năm 2024

(Phiên họp 8 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

I. Năm 2024 là năm “Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững”.

- **Hạ tầng số** là hạ tầng của kinh tế số bao gồm: hạ tầng viễn thông, hạ tầng IoT, hạ tầng tính toán, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng cung cấp công nghệ số như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng.

- Yếu tố sản xuất mới là **dữ liệu số**;

- Quan hệ sản xuất mới là **quản trị số**.

- Lực lượng sản xuất mới là **công nghệ số**.

- **Công nghiệp ICT** là ngành công nghiệp nền tảng trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu BCH TW Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- **Số hóa các ngành kinh tế**: Tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất lao động những ngành kinh tế truyền thống

II. Phát triển công nghiệp CNTT

- **Mục tiêu:**

▪ Doanh thu công nghiệp ICT: 140 tỷ USD

▪ Doanh nghiệp công nghệ số: 48.000 DN (tương đương 01 doanh nghiệp CNS/ 2.000 dân).

- **Giải pháp**

Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Nghiên cứu và sửa đổi Nghị định 154 về Khu CNTT tập trung để tạo điều kiện phát triển các khu CNTT tập trung đặc biệt tại các địa phương có nguồn nhân lực CNTT tốt, hạ tầng năng lượng xanh, tái tạo và có điều kiện giao thông, du lịch thuận tiện.

- Nghiên cứu xây dựng Luật công nghiệp công nghệ số để công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp nền tảng.

- Thúc đẩy đào tạo các nhóm ngành mới (vi mạch, AI, dữ liệu) phù hợp với nhu cầu và xu hướng phát triển trên thế giới.

Các Bộ, ngành, địa phương:

- Tăng cường đặt hàng cho các doanh nghiệp công nghệ số từ nguồn ngân sách nhà nước để giải quyết các bài toán về chuyển đổi số của mình.
- Triển khai các giải pháp phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo có tối thiểu 01 doanh nghiệp CNS/2.000 dân.
- Thu hút các nguồn lực xã hội hóa trong nước và quốc tế để tiếp tục phát triển các khu CNTT tập trung, tạo ra một môi trường cộng hưởng sáng tạo, phát triển cộng đồng.

Các doanh nghiệp:

- Đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chuyển đổi số phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- Tích cực phát triển các công cụ và giải pháp, kết hợp triển khai tích hợp AI trong các sản phẩm và dịch vụ của mình.
- Tham gia các dự án chuyển đổi số, số hóa các kinh tế ngành để tạo ra nhiều sản phẩm, mô hình kinh doanh mới, nâng cao năng suất, chất lượng của các ngành kinh tế.

III. Phát triển dữ liệu số

1. Một số tồn tại

- Thiếu các luật, quy định về quyền sở hữu dữ liệu, quyền riêng tư đối với dữ liệu cá nhân, tiết lộ dữ liệu của chính phủ... để dữ liệu có thể trao đổi, giao dịch.
- Dữ liệu số trong cơ quan Chính phủ bị “cô lập”. Các cơ quan chưa chủ động, tự nguyện mở dữ liệu cho tổ chức, doanh nghiệp khai thác do lo ngại về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu
- Dữ liệu số thương mại bị phân tách nằm một cách rời rạc, cục bộ, khép kín trong phạm vi của mỗi doanh nghiệp.
- Dữ liệu cá nhân bị khai thác, mua bán trái pháp luật. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã thiết lập hành lang pháp lý nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc cân bằng giữa quản lý và phát triển.
- Dữ liệu mở tăng về số lượng nhưng cơ bản chưa khai thác, sử dụng được do không ở định dạng máy có thể đọc.
- Chưa có các tiêu chí đánh giá về mức độ phát triển dữ liệu của cơ quan NN.

2. Mục tiêu và giải pháp thực hiện

- Mục tiêu

- Dữ liệu: Mỗi ngành kinh tế lựa chọn xây dựng từ **03 – 05** bộ dữ liệu (dataset) chất lượng cao.

- Mỗi ngành kinh tế lựa chọn và công bố **05** kịch bản khai thác, sử dụng dữ liệu nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Mỗi ngành kinh tế lựa chọn và công bố các kịch bản khai thác, sử dụng dữ liệu nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Giải pháp

Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, các danh mục lưu trữ, kết nối và chia sẻ dữ liệu, quy định về dữ liệu phi danh tính để thúc đẩy lưu chuyển dữ liệu giữa các ngành kinh tế.

- Xây dựng, trình ban hành hướng dẫn mở dữ liệu của cơ quan nhà nước để khuyến khích tinh thần chủ động, tự nguyện mở dữ liệu mà không còn lo ngại về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

- Xây dựng bộ công cụ đánh giá về mức độ trưởng thành của dữ liệu; đánh giá hàng năm về chất lượng dữ liệu mở của các Bộ, ngành, địa phương.

- Xây dựng, ban hành quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Trung tâm dữ liệu ngành) để phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, các danh mục lưu trữ, kết nối và chia sẻ dữ liệu, các quy định về dữ liệu phi danh tính.

- Xây dựng Khung quản trị dữ liệu, kiến trúc dữ liệu và các mục từ điển dữ liệu kết hợp bổ sung vào Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam những phiên bản tiếp theo.

- Lựa chọn một địa phương để xây dựng mô hình mẫu. Sau khi thành công sẽ triển khai nhân rộng.

Các Bộ, ngành, địa phương:

- Mỗi Bộ, ngành, địa phương xây dựng từ **03 - 05** bộ dữ liệu (datasets) chất lượng cao.

- Mỗi Bộ, ngành, địa phương xây dựng **05** kịch bản khai thác và sử dụng dữ liệu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên dữ liệu

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc kết nối liên thông, tích hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử với các hệ thống dịch vụ công; khai thác, sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước, xuất nhập cảnh; thực hiện công tác bảo vệ, bảo đảm an ninh dữ liệu. Mở rộng cung cấp ít nhất 10 dịch vụ tiện ích trên ứng dụng VNeID

Doanh nghiệp:

- Tư vấn cho các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các CSDL dùng chung hiệu quả, chất lượng và bảo đảm dự phòng trong mọi tình huống.

IV. Số hóa các ngành kinh tế

1. Mục tiêu và giải pháp thực hiện

- Mục tiêu

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành đạt tối thiểu 10% phù hợp với Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.
- Phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên dữ liệu để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội chất lượng cao.

- Giải pháp

Các Bộ, ngành, địa phương:

- Chuẩn bị sẵn sàng dữ liệu của mình: Xây dựng các bộ dữ liệu; Xây dựng các kịch bản, mô hình khai thác dữ liệu.
- Đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số để xây dựng các ứng dụng số phục vụ các bài toán của mình.

Các Doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp nền tảng làm chủ công nghệ 5G, công nghệ lõi AI, mô hình ngôn ngữ lớn (LLM), cung cấp hạ tầng tính toán, hạ tầng công nghệ AI, LLM như dịch vụ.
- Doanh nghiệp phát triển các ứng dụng số vào giải quyết các bài toán trong các ngành kinh tế.

2. Số hóa ngành Nông nghiệp

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Dữ liệu truy xuất về nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp; dữ liệu về các vùng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; dữ liệu về đất đai, thổ nhưỡng, chỉ dẫn địa lý; dữ liệu về thời tiết, các quy trình, công nghệ sản xuất, phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản; dữ liệu về tình hình sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Sử dụng hiệu quả tài nguyên: đất, nước, lao động, rừng, biển; Dự báo dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; Liên kết vùng miền; Giải quyết thị trường cho nông sản, hướng tới xuất khẩu.

3. Số hóa ngành Thương mại bán buôn, bán lẻ (thương mại điện tử)

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Cụm công nghiệp và năng lực sản xuất; Năng lực hậu cần; Liên kết chuỗi cung ứng; Nhận diện thương hiệu...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Kết nối cung – cầu thị trường; Tối ưu hóa phân bổ nguồn lực trên toàn chuỗi; Xây dựng và bảo vệ thương hiệu...

4. Số hóa ngành Công nghiệp

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Thị trường lao động; Sản lượng sản xuất chính phẩm, thứ phẩm; Biến động tồn kho; Chuỗi cung ứng...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Giám sát, cảnh báo sớm chuỗi công nghiệp và nguồn cung ứng; Tối ưu hóa quy trình sản xuất; Điều tiết sản xuất và phân phối các sản phẩm, dịch vụ; Giám sát thị trường...

5. Số hóa ngành Văn hóa, Du lịch

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Văn hóa, nghệ thuật các dân tộc Việt Nam; Di sản văn hóa, di tích quốc gia; Cơ sở lưu trú; Khách du lịch, hành vi tiêu dùng của khách du lịch; Chương trình du lịch, tour du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Quảng bá phát triển văn hóa Việt Nam; Quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa; Quản lý, cải thiện năng lực và thu hút khách du lịch; Mô hình, dịch vụ du lịch mới...

6. Số hóa ngành Bảo hiểm xã hội

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Dữ liệu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được tích hợp với dữ liệu đào tạo nghề và học tập suốt đời gắn với tạo lập cơ sở dữ liệu lao động, việc làm; Dữ liệu An sinh xã hội bao gồm dữ liệu đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội, giảm nghèo, trẻ em và người có công...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Cung cấp các giải pháp dự báo nhu cầu, biến động về lao động, việc làm; Người lao động được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp...

7. Số hóa ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Dữ liệu lớn về hành vi của người học, người dạy; Dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo liên thông với dữ liệu trong lĩnh vực lao động, việc làm và dữ liệu bảo hiểm xã hội...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) Ứng dụng số: Phân tích xu hướng học tập; Cải thiện chất lượng giáo dục; Tối ưu hóa quá trình giảng dạy và đề xuất chương trình học phù hợp; Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo trong ngành giáo dục; Số hóa và quản lý thống nhất hệ thống văn bằng, chứng chỉ, chương trình đào tạo gắn với từng sinh viên, học viên....

8. Số hóa ngành Y tế

a) Xây dựng các bộ dữ liệu: Dữ liệu y tế, cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; Dữ liệu chuyên ngành: khám, chữa bệnh, y tế dự phòng, nhân lực, thiết bị y tế, dược...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) **Ứng dụng số:** Tra cứu thông tin; Số hóa thông tin sức khỏe, bệnh án điện tử được liên thông suốt giữa các cơ quan y tế, giữa cơ quan y tế với người dân và công nhận lẫn nhau; Đổi mới các mô hình dịch vụ công dựa trên dữ liệu như theo dõi bệnh nghề nghiệp và cảnh báo sớm các sự kiện y tế công cộng; Hỗ trợ phân tích có hệ thống về hiệu quả của y học: tương tác thuốc, chỉ định, an toàn... và thúc đẩy sự phát triển chất lượng cao của y học.

9. Số hóa ngành Tài nguyên và Môi trường

a) **Xây dựng các bộ dữ liệu:** Nền địa lý quốc gia, đất đai quốc gia; Viễn thám; Khí tượng thủy văn; Biến đổi khí hậu, môi trường; Nguồn thải; Đa dạng sinh học; Tài nguyên nước; Địa chất, khoáng sản; Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Quan trắc tài nguyên và môi trường.

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) **Ứng dụng số:** Phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường; Giám sát việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường; Giảm tác động của các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan; Hiện thực hóa mô hình ra quyết định thông minh mới tích hợp nhận dạng rủi ro về khí hậu; Nâng cao trình độ quản lý lượng khí thải carbon, hỗ trợ mở dữ liệu phát thải carbon...

10. Số hóa ngành Giao thông vận tải

a) **Xây dựng các bộ dữ liệu:** Dữ liệu lớn quản lý hoạt động của các phương tiện giao thông; Dữ liệu về mật độ giao thông; Dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông; Dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics...

b) Xây dựng một số kịch bản khai thác và sử dụng/1 bộ dữ liệu

c) **Ứng dụng số:** Chia sẻ và công nhận lẫn nhau về dữ liệu giao hàng, dữ liệu vận đơn, dữ liệu quyết toán, dữ liệu bảo hiểm, dữ liệu theo dõi vận chuyển hàng hóa; Thúc đẩy sự phát triển đổi mới của phương tiện kết nối thông minh, hỗ trợ vận hành thử nghiệm thương mại đối với phương tiện tự lái ở các khu vực và giai đoạn cụ thể; Tạo thuận lợi cho thương mại vận tải; Thúc đẩy sự tích hợp và ứng dụng đáng tin cậy của dữ liệu thương mại về vận chuyển và xác minh hóa đơn điện tử, xác minh danh tính thực thể kinh doanh, dữ liệu trạng thái kiểm tra và khai báo hải quan...

V. Quản trị số

1. Mục tiêu và giải pháp thực hiện

- Triển khai, phổ cập 03 trợ lý ảo: Bộ TTTT đang triển khai xây dựng 3 trợ lý ảo là:

+ Trợ lý ảo lập pháp để phát hiện những mâu thuẫn khi làm văn bản pháp luật, trợ lý ảo tòa án để giảm bớt công việc cho các thẩm phán, trợ lý ảo hỗ trợ bộ máy cán bộ, công chức và trợ lý ảo hỗ trợ tư pháp cho người dân.

+ Trợ lý ảo hỗ trợ hành pháp hỗ trợ cán bộ, công chức thực hiện công việc theo quy định.

+ Trợ lý ảo hỗ trợ pháp lý cho người dân sẽ trả lời các câu hỏi của người dân liên quan đến pháp luật, đến các quy định của nhà nước.

- Các Bộ, ngành, địa phương triển khai công tác điều hành dựa trên dữ liệu thông qua các Trung tâm điều hành thông minh IOC.

- Các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình đến người dân và doanh nghiệp.

4.3. Giải pháp

Bộ Thông tin và Truyền thông

- Triển khai thí điểm ở các Bộ, ngành, địa phương sau đó nhân rộng các nền tảng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức trong xây dựng văn bản pháp luật, thực thi công vụ; hỗ trợ người dân về các vấn đề pháp lý và các trợ lý ảo khác.

- Hoàn thiện mô hình điều hành dựa trên dữ liệu qua Trung tâm Điều hành Thông minh IOC để phổ biến cho các địa phương.

- Hoàn thiện mô hình dịch vụ công trực tuyến để hướng dẫn và nhân rộng cho các Bộ, ngành, địa phương.

- Xây dựng và ban hành các nguyên tắc sử dụng dữ liệu có trách nhiệm, hướng dẫn về an toàn khi ứng dụng AI trong khu vực công.

Các Bộ, ngành, địa phương

- Chuẩn hóa dữ liệu để đưa các trợ lý ảo trong các ngành, lĩnh vực vào khai thác, nâng cao chất lượng quản lý của công chức, viên chức.

- Xây dựng các kịch bản điều hành thông minh, xử lý các khiếu nại của người dân dựa trên dữ liệu.

- Các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình đến người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm 60% thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 50% hồ sơ trực tuyến toàn trình.

Các doanh nghiệp

- Cung cấp, hoàn thiện các sản phẩm, giải pháp quản trị số dựa trên dữ liệu triển khai cho các Bộ, ngành, địa phương./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG